TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc**
Số: 383/2019/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 03 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Diệu Hương và ông Hoàng Đình Hiền

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ dân sự sơ thẩm thụ lý số 627/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc ‘Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Minh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 4/3/128 Nguyễn Khoa C, phường A, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Phạm Duy Q, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 17/20/120 Điện Biên P, phường T, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Minh T và anh Phạm Duy Q (chị T, anh Q đăng ký kết hôn ngày 26/7/2013, số 74, quyển 01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H).

- Về con chung: Chị Lê Thị Minh T và anh Phạm Duy Q có một con chung là cháu Phạm Lê Khánh H, sinh ngày 07/5/2015. Hai bên thỏa thuận giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị Lê Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng, anh Phạm Duy Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Minh T và anh Phạm Duy Q xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Minh T tự nguyện chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/001639 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; anh Phạm Duy Q phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường T, H;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Dán án.

Nguyễn Đình Tú